

CÔNG TY CỔ PHẦN SAM CƯỜNG

NM: KCN Long Thành, Đường số 1, X. Tam An, H. Long Thành, Đồng Nai

VPGD: Số 135/16 Nguyễn Hữu Cánh, P. 22, Q. Bình Thạnh, TP. HCM

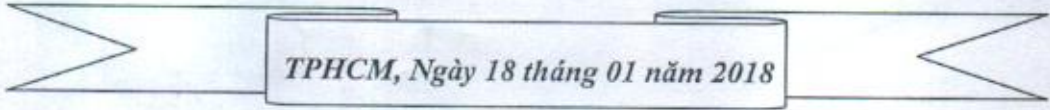
Điện thoại: (84-28) 3551 3734

Fax: (84-28) 3551 3735



SMT[®]
TRẦN & LAM NHÔM

HỒ SƠ
TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG



TPHCM, Ngày 18 tháng 01 năm 2018



CÔNG TY CP VẬT LIỆU ĐIỆN VÀ VIỄN THÔNG SAM CƯỜNG
Địa chỉ: KCN Long Thành, X. Tam An, H. Long Thành, T. Đồng Nai
VPGD: 135/16 Nguyễn Hữu Cánh, P.22, Q. Bình Thạnh, TP. HCM
Điện thoại: 0283.5513734 Fax: 0283.5513735

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

"TC01-2018/SMT-AC"

TỜ HỢP CHI TIẾT DÙNG LÀM TRẦN KIM LOẠI

TPHCM, Ngày 08 tháng 01 năm 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN SAM CƯỜNG
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Văn Dương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc
-----***-----

BẢN CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA

Số 01-2018/ SMT-AC

Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU ĐIỆN VÀ VIỄN THÔNG SAM CƯỜNG**
Địa chỉ: KCN Long Thành, Đường số 1, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai
VPGD: 135/16 Nguyễn Hữu Cánh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM
Điện thoại: (84-028) 3551 3734 Fax:(84-028) 3551 3735
Email: infor@smt-ac.vn Website: www.smt-ac.vn

CÔNG BỐ

Tiêu chuẩn: TC01-2018/SMT-AC
Áp dụng cho hàng hóa

TỔ HỢP CHI TIẾT DÙNG LÀM TRẦN KIM LOẠI

Sản phẩm: CLIP-IN SMT[®], LAY-IN SMT[®], C-SHAPED SMT[®], B-SHAPED SMT[®], U-SHAPED SMT[®], C84-SHAPED SMT[®], CELL SMT[®], R84 SUN LOUVER SMT[®]

Doanh nghiệp xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước khách hàng sẽ sản xuất và kinh doanh hàng hóa theo đúng chất lượng công bố

TPHCM, ngày 08 tháng 01 năm 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN SAM CƯỜNG

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Văn Dương



CÔNG TY CỔ PHẦN SAM CƯỜNG

Địa chỉ: KCN Long Thành, X. Tam An, H. Long Thành, T. Đồng Nai
VPGD: 135/16 Nguyễn Hữu Cánh, P.22, Q. Bình Thạnh, TP. HCM
Điện thoại: (028) 3551 3734 Fax: (028) 3551 3735

TỔ HỢP CHI TIẾT DÙNG LÀM TRẦN KIM LOẠI

(Kèm theo Bản công bố tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa số 01-2018/SMT-AC ngày 01 tháng 02 năm 2018)

I. PHẠM VI ÁP DỤNG

Tiêu chuẩn này áp dụng cho các loại tổ hợp và các loại chi tiết lắp sẵn dùng làm trần kim loại do CÔNG TY CỔ PHẦN SAM CƯỜNG sản xuất và cung cấp

II. KẾT CẤU TỔ HỢP

Khi lắp đặt các chi tiết, cấu kiện với nhau phải phẳng và vuông góc, căn chỉnh bằng các hợp nối.

III. KÍCH THƯỚC CĂN BẢN

Kích thước cơ bản của sản phẩm được tiêu chuẩn hóa theo từng tổ hợp của nhà sản xuất.

TẤM TRẦN NHÔM CLIP-IN SMT®

TT	Tên sản phẩm	Chiều dài (mm)	Chiều rộng (mm)	Chiều cao (mm)	Độ dày (mm)
1	Clip-in 600*600 SMT®	600 ± 0.3	600 ± 0.3	28 ± 0.5	$0.5-0.7 \pm 0.03$
2	Xương Clip-in	3000 ± 0.1	22 ± 0.2	25 ± 0.2	0.35 ± 0.03
3	Độ bền bám dính lớp sơn phủ	TCVN 2097:1993			Đạt
4	Thành phần nhôm	ASTM E 1251-07			99,1%

TẤM TRẦN NHÔM LAY-IN SMT®

TT	Tên sản phẩm	Chiều dài (mm)	Chiều rộng (mm)	Chiều cao (mm)	Độ dày (mm)
1	Lay-in 600*600 SMT®	600 ± 0.3	600 ± 0.3	10 ± 0.1	$0.5-0.7 \pm 0.03$
2	Xương T chính	3000 ± 0.1	17 ± 0.1	30 ± 0.1	0.3 ± 0.1
3	Xương T phụ	600 ± 0.1	17 ± 0.1	25 ± 0.1	0.3 ± 0.1
4	Độ bền bám dính lớp sơn phủ	TCVN 2097:1993			Đạt
5	Thành phần nhôm	ASTM E 1251-07			99,1%

TẤM TRẦN CAROL SMT®

TT	Tên sản phẩm	Chiều dài (mm)	Chiều rộng (mm)	Chiều cao (mm)	Độ dày (mm)
1	Cell 75*75 SMT®	1950 ± 1	10 ± 0.1	50 ± 0.3	0.5 ± 0.03
2	Cell 100*100 SMT®	2000 ± 1	10 ± 0.1	50 ± 0.3	0.5 ± 0.03
3	Cell 150*150 SMT®	1950 ± 1	10 ± 0.1	50 ± 0.3	0.5 ± 0.03
4	Độ bền bám dính lớp sơn phủ	TCVN 2097:1993			Đạt
5	Thành phần nhôm	ASTM E 1251-07			99,1%

TẤM TRẦN NHÔM C-SHAPED SMT®

TT	Tên sản phẩm	Chiều dài (mm)	Chiều rộng (mm)	Chiều cao (mm)	Độ dày (mm)
1	C100-Shaped SMT®	6000 ± 1	100 ± 0.3	15 ± 0.1	$0.5-0.6 \pm 0.03$
2	C150-Shaped SMT®	6000 ± 1	150 ± 0.3	15 ± 0.1	0.6 ± 0.03
3	Xương C-Shaped SMT®	3000 ± 0.1	20 ± 0.3	30 ± 0.3	0.6 ± 0.03
4	Độ bền bám dính lớp sơn phủ	TCVN 2097:1993			Đạt
5	Thành phần nhôm	ASTM E 1251-07			99,0%

TẤM TRẦN NHÔM B-SHAPED SMT®

TT	Tên sản phẩm	Chiều dài (mm)	Chiều rộng (mm)	Chiều cao (mm)	Độ dày (mm)
1	B30-Shaped SMT®	6000 ± 1	30 ± 0.3	25 ± 0.1	0.5 ± 0.03
2	B80-Shaped SMT®	6000 ± 1	80 ± 0.3	25 ± 0.1	0.5 ± 0.03
3	B130-Shaped SMT®	6000 ± 1	130 ± 0.3	25 ± 0.1	0.6 ± 0.03
4	Xương B-Shaped SMT®	3000 ± 0.1	60 ± 0.3	30 ± 0.3	0.6 ± 0.03
5	Độ bền bám dính lớp sơn phủ	TCVN 2097:1993		Đạt	
6	Thành phần nhôm	ASTM E 1251-07		99,3%	

TẤM TRẦN NHÔM U-SHAPED SMT®

TT	Tên sản phẩm	Chiều dài (mm)	Chiều rộng (mm)	Chiều cao (mm)	Độ dày (mm)
1	U50-Shaped SMT®	6000 ± 1	30 ± 0.3	50 ± 0.1	0.5-0.6 ± 0.03
2	U60-Shaped SMT®	6000 ± 1	30 ± 0.3	60 ± 0.1	0.5-0.6 ± 0.03
3	U75-Shaped SMT®	6000 ± 1	30 ± 0.3	75 ± 0.1	0.6 ± 0.03
4	U100-Shaped SMT®	6000 ± 1	30 ± 0.3	100 ± 0.1	0.6 ± 0.03
5	Xương U-Shaped SMT®	3000 ± 0.1	30 ± 0.3	30 ± 0.3	0.6 ± 0.03
6	Độ bền bám dính lớp sơn phủ	TCVN 2097:1993		Đạt	
7	Thành phần nhôm	ASTM E 1251-07		99,1%	

TẤM TRẦN NHÔM C84-SHAPED SMT®

TT	Tên sản phẩm	Chiều dài (mm)	Chiều rộng (mm)	Chiều cao (mm)	Độ dày (mm)
1	C84-Shaped SMT®	6000 ± 1	84 ± 0.3	15 ± 0.1	0.5 ± 0.03
2	Xương C84-Shaped SMT®	3000 ± 0.1	25 ± 0.3	30 ± 0.3	0.6 ± 0.03
3	Độ bền bám dính lớp sơn phủ	TCVN 2097:1993		Đạt	
4	Thành phần nhôm	ASTM E 1251-07		99,2%	

LAM CHÂN NẮNG R84-SUN LOUVER SMT®

TT	Tên sản phẩm	Chiều dài (mm)	Chiều rộng (mm)	Chiều cao (mm)	Độ dày (mm)
1	R84-Sun Louver SMT®	6000 ± 1	84 ± 0.3	15 ± 0.1	0.5 ± 0.03
2	Xương R84-Sun Louver SMT®	2000 ± 0.1	20 ± 0.3	86 ± 0.3	0.6 ± 0.03
3	Độ bền bám dính lớp sơn phủ	TCVN 2097:1993		Đạt	
4	Thành phần nhôm	ASTM E 1251-07		99,1%	

IV. CÁC CHỈ TIÊU KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG**4.1 Nguyên liệu:**

4.1.1 Khung trần và phụ kiện được sản xuất từ các loại thép tráng kẽm dạng cuộn chất lượng cao. Nhập khẩu từ : Nhật Bản, Đài Loan, Trung Quốc

4.1.2 Tấm trần và thanh trần được sản xuất từ nhôm hợp kim chất lượng cao. Nhập khẩu từ nước ngoài như: Nhật Bản, Đài Loan, Trung Quốc

4.1.3 Bề mặt tấm trần được sơn tĩnh điện hoặc sơn gia nhiệt theo tiêu chuẩn quốc tế.

4.1.4 Độ bền bám dính của lớp sơn bề mặt đạt tiêu chuẩn TCVN 2097:93

4.2 Yêu cầu về an toàn

Kết cấu tổ hợp nhẹ, lắp đặt dễ dàng, chống ố, rỉ mọt, chống oxy hóa, chịu ẩm, độ bền màu cao, khả năng cách âm và tiêu âm tốt.

4.3 Yêu cầu về ngoại quan

Vỏ thùng hàng còn nguyên đai, nguyên kiện, sản phẩm bên trong không bị móp méo, trầy xước và hoen ố bề mặt.

V. PHƯƠNG PHÁP ĐO THỬ

5.1 Lấy mẫu

5.1.1 Mẫu được lấy ngẫu nhiên theo từng lô hàng hoặc theo yêu cầu cụ thể của khách hàng

5.1.2 Số lượng mẫu lấy để thử nghiệm là 2-5% chi tiết lô hàng.

5.2 Phương pháp kiểm tra

5.2.1 Dùng thước kim loại có chiều dài 5m để đo chiều dài và chiều rộng.

5.2.2 Dùng thước kẹp có độ chính xác là 0.01 để đo chiều cao và chiều dày. Mỗi cạnh đo 3 lần ở các vị trí khác nhau. Kích thước kết luận là trung bình cộng của 3 lần đo

5.2.3 Kiểm tra độ bằng phẳng cách dùng thước dài 3m có gắn Ni-vô đo theo các đường chéo.

KT3-00135BCK8/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

24/01/2018

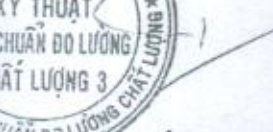
Page 01/02

1. Tên mẫu
Name of sample **TRẦN NHÔM CLIP-IN SMT®**
ALUMINUM CEILING CLIP-IN SMT®
2. Số lượng mẫu
Quantity 01
3. Mô tả mẫu :
Sample description Mẫu là tấm trần nhôm, kích thước (200 x 200 x 0,58) mm
The as-received sample is aluminum ceiling
4. Ngày nhận mẫu:
Date of receiving 17/01/2018
5. Ngày thử nghiệm:
Date of testing 19/01/2018
6. Nơi gửi mẫu:
Customer **CÔNG TY CP VẬT LIỆU ĐIỆN VÀ VIỄN THÔNG SAM CƯỜNG**
(SAMETEL)
KCN Long Thành, Đường số 1, Xã Tam An, H. Long Thành, Đồng Nai, Việt Nam
SAM CUONG MATERIAL ELECTRIC AND TELECOM
CORPORATION (SAMETEL)
Long Thanh Industrial Zone, Road No.1, Tam An Ward, Long Thanh District,
Dong Nai Province, Viet Nam
7. Phương pháp thử:
Test method
- TCVN 2097:1993 Sơn - Phương pháp cắt - Xác định độ bám dính của màng
- TCVN 258 - 1: 2007 Vật liệu kim loại - Thử độ cứng Vickers. Phần 1 : Phương pháp thử
- ASTM E 1251 - 07 Standard Test Method for Analysis of Aluminum and Aluminum Alloys by Atomic Emission Spectrometry
8. Kết quả thử nghiệm:
Test results Xem trang 02/02
See page

P.TRƯỞNG PTN CƠ KHÍ
DEPUTY HEAD OF MECHANICAL TESTING LAB.


Phạm Văn Út

TL.GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB.


Nguyễn Tấn Tùng

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến./ *Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.*
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Quatest 3.
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu./ *Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information.

N/A: không áp dụng.
Not applicable

Head Office: 49 Pasteur, Q1; Hồ Chí Minh City, VIỆT NAM Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 Website: www.quatest3.com.vn
Testing: 7 Road 1, Biên Hòa 1 Industrial Zone, Đồng Nai Tel: (84-251) 383 6212 Fax: (84-251) 383 6298 E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn



8. Kết quả thử nghiệm :

Test results

Tên chỉ tiêu Specification	Kết quả thử nghiệm Test result
<u>A. THỬ ĐỘ CỨNG/HARDNESS TEST</u>	
8.1. Độ cứng Vickers trung bình HV1 Average of hardness	47,3
<u>B. THỬ LỚP PHỦ/COATING TEST</u>	
8.2. Thử bám dính lớp sơn Adherence test of painting	Điểm/Point 1 : Vết cắt hoàn toàn nhẵn, không có các mảng bong ra/The edges of the cuts are completely smooth : none of the squares of the lattices is detached
<u>C. THÀNH PHẦN HÓA HỌC</u> <u>CHEMICAL COMPOSITION</u>	
8.3. Hàm lượng / Content % (m/m)	
• Silic / Silicon (Si)	0,14
• Sắt / Iron (Fe)	0,50
• Đồng / Copper (Cu)	0,05
• Mangan / Manganese (Mn)	0,05
• Magiê / Magnesium (Mg)	0,01
• Crôm / Chromium (Cr)	0,01
• Niken / Nickel (Ni)	0,01
• Kẽm / Zinc (Zn)	0,03
• Titan / Titanium (Ti)	0,04
• Nhôm / Aluminum (Al)	99,1



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Pasteur, Q1, Hồ Chí Minh City, VIỆT NAM
Testing: 7 Road 1, Biên Hòa Industrial Zone, Đồng Nai

Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012
Tel: (84-251) 383 6212 Fax: (84-251) 383 6298

www.quatest3.com.vn
tn-cskh@quatest3.com.vn

KT3-00135BCK8/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

24/01/2018
 Page 01/02

1. Tên mẫu
Name of sample **TRẦN NHÔM LAY-IN SMT®**
ALUMINUM CEILING LAY-IN SMT®
2. Số lượng mẫu
Quantity 01
3. Mô tả mẫu:
Sample description Mẫu là tấm trần nhôm, kích thước (200 x 200 x 0,58) mm
The as-received sample is aluminum ceiling
4. Ngày nhận mẫu:
Date of receiving 17/01/2018
5. Ngày thử nghiệm:
Date of testing 19/01/2018
6. Nơi gửi mẫu:
Customer **CÔNG TY CP VẬT LIỆU ĐIỆN VÀ VIỄN THÔNG SAM CƯỜNG**
(SAMETEL)
KCN Long Thành, Đường số 1, Xã Tam An, H. Long Thành, Đồng Nai, Việt Nam
SAM CUONG MATERIAL ELECTRIC AND TELECOM
CORPORATION (SAMETEL)
Long Thanh Industrial Zone, Road No.1, Tam An Ward, Long Thanh District,
Dong Nai Province, Viet Nam
7. Phương pháp thử:
Test method
 - TCVN 2097:1993 Sơn - Phương pháp cắt - Xác định độ bám dính của màng
 - TCVN 258 - 1: 2007 Vật liệu kim loại - Thử độ cứng Vickers. Phần 1 : Phương pháp thử
 - ASTM E 1251 - 07 Standard Test Method for Analysis of Aluminum and Aluminum Alloys by Atomic Emission Spectrometry
8. Kết quả thử nghiệm:
Test results Xem trang 02/02
See page

P.TRƯỞNG PTN CƠ KHÍ
DEPUTY HEAD OF MECHANICAL TESTING LAB.

Phạm Văn Út

TL.GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB.



Nguyễn Tấn Tùng

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến./ Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
 2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Quatest 3.
 3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu./ Name of sample and customer are written as customer's request.
 4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
 Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information.

N/A: không áp dụng.
 Not applicable

Head Office: 49 Pasteur, Q1, Hồ Chí Minh City, VIỆT NAM Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 Website: www.quatest3.com.vn
 Testing: 7 Road 1, Biên Hòa 1 Industrial Zone, Đồng Nai Tel: (84-251) 383 6212 Fax: (84-251) 383 6298 E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn

8. Kết quả thử nghiệm :

Test results



Tên chỉ tiêu Specification	Kết quả thử nghiệm Test result
<u>A. THỬ ĐỘ CỨNG/HARDNESS TEST</u>	
8.1. Độ cứng Vickers trung bình HV1 Average of hardness	47,8
<u>B. THỬ LỚP PHỦ/COATING TEST</u>	
8.2. Thử bám dính lớp sơn Adherence test of painting	Điểm/Point 1 : Vết cắt hoàn toàn nhẵn, không có các mảng bong ra/The edges of the cuts are completely smooth : none of the squares of the lattices is detached
<u>C. THÀNH PHẦN HÓA HỌC</u> <u>CHEMICAL COMPOSITION</u>	
8.3. Hàm lượng / Content % (m/m)	
• Silic / Silicon (Si)	0,14
• Sắt / Iron (Fe)	0,50
• Đồng / Copper (Cu)	0,05
• Mangan / Manganese (Mn)	0,05
• Magiê / Magnesium (Mg)	0,01
• Crôm / Chromium (Cr)	0,01
• Niken / Nickel (Ni)	0,01
• Kẽm / Zinc (Zn)	0,03
• Titan / Titanium (Ti)	0,04
• Nhôm / Aluminum (Al)	99,1



QUATEST 3®

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Pasteur, Q1, Hồ Chí Minh City, VIỆT NAM
Testing: 7 Road 1, Biên Hòa 1 Industrial Zone, Đồng Nai

Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012
Tel: (84-251) 383 6212 Fax: (84-251) 383 6298

www.quatest3.com.vn
tn-cskh@quatest3.com.vn

KT3-00135BCK8/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

24/01/2018
Page 01/02

1. Tên mẫu
Name of sample **TRẦN NHÔM C-SHAPED SMT®
ALUMINUM CEILING C-SHAPED SMT®**
2. Số lượng mẫu
Quantity **01**
3. Mô tả mẫu :
Sample description **Mẫu là tấm trần nhôm, kích thước (200 x 200 x 0,59) mm
The as-received sample is aluminum ceiling**
4. Ngày nhận mẫu:
Date of receiving **17/01/2018**
5. Ngày thử nghiệm:
Date of testing **19/01/2018**
6. Nơi gửi mẫu:
Customer **CÔNG TY CP VẬT LIỆU ĐIỆN VÀ VIỄN THÔNG SAM CƯỜNG
(SAMETEL)
KCN Long Thành, Đường số 1, Xã Tam An, H. Long Thành, Đồng Nai, Việt Nam
SAM CUONG MATERIAL ELECTRIC AND TELECOM
CORPORATION (SAMETEL)
Long Thanh Industrial Zone, Road No.1, Tam An Ward, Long Thanh District,
Dong Nai Province, Viet Nam**
7. Phương pháp thử:
Test method
 - TCVN 2097:1993 Sơn - Phương pháp cắt - Xác định độ bám dính của màng
 - TCVN 258 - 1: 2007 Vật liệu kim loại - Thử độ cứng Vickers. Phần 1 : Phương pháp thử
 - ASTM E 1251 - 07 Standard Test Method for Analysis of Aluminum and Aluminum Alloys by Atomic Emission Spectrometry
8. Kết quả thử nghiệm:
Test results **Xem trang 02/02
See page**

**P.TRƯỞNG PTN CƠ KHÍ
DEPUTY HEAD OF MECHANICAL TESTING LAB.**



Phạm Văn Út

**TL.GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB.**



Nguyễn Tấn Tùng

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến./ Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Quatest 3.
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu./ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information.

N/A: không áp dụng
Not applicable

Head Office: 49 Pasteur, Q1, Hồ Chí Minh City, VIỆT NAM Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 Website: www.quatest3.com.vn
Testing: 7 Road 1, Biên Hòa 1 Industrial Zone, Đồng Nai Tel: (84-251) 383 6212 Fax: (84-251) 383 6298 E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn



8. Kết quả thử nghiệm :

Test results

Tên chỉ tiêu <i>Specification</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
<u>A. THỬ ĐỘ CỨNG/HARDNESS TEST</u>	
8.1. Độ cứng Vickers trung bình HV1 <i>Average of hardness</i>	49,8
<u>B. THỬ LỚP PHỦ/COATING TEST</u>	
8.2. Thử bám dính lớp sơn <i>Adherence test of painting</i>	Điểm/Point 1 : Vết cắt hoàn toàn nhẵn, không có các mảng bong ra/The edges of the cuts are completely smooth : none of the squares of the lattices is detached
<u>C. THÀNH PHẦN HÓA HỌC</u> <u>CHEMICAL COMPOSITION</u>	
8.3. Hàm lượng / Content % (m/m)	
• Silic / Silicon (Si)	0,16
• Sắt / Iron (Fe)	0,56
• Đồng / Copper (Cu)	0,06
• Mangan / Manganese (Mn)	0,10
• Magiê / Magnesium (Mg)	0,02
• Crôm / Chromium (Cr)	0,01
• Niken / Nickel (Ni)	0,01
• Kẽm / Zinc (Zn)	0,03
• Titan / Titanium (Ti)	0,02
• Nhôm / Aluminum (Al)	99,0

**QUATEST 3®**

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Pasteur, Q1, Hồ Chí Minh City, VIỆT NAM

Testing: 7 Road 1, Biên Hòa 1 Industrial Zone, Đồng Nai

Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012

Tel: (84-251) 383 6212 Fax: (84-251) 383 6298

www.quatest3.com.vn

tn-cskh@quatest3.com.vn

KT3-00135BCK8/4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

24/01/2018

Page 01/02

1. Tên mẫu
Name of sample **TRẦN NHÔM B-SHAPED SMT®**
ALUMINUM CEILING B-SHAPED SMT®
2. Số lượng mẫu
Quantity 01
3. Mô tả mẫu :
Sample description Mẫu là tấm trần nhôm, kích thước (220 x 220 x 0,6) mm
The as-received sample is aluminum ceiling
4. Ngày nhận mẫu:
Date of receiving 17/01/2018
5. Ngày thử nghiệm:
Date of testing 19/01/2018
6. Nơi gửi mẫu:
Customer **CÔNG TY CP VẬT LIỆU ĐIỆN VÀ VIỄN THÔNG SAM CƯỜNG**
(SAMETEL)
KCN Long Thành, Đường số 1, Xã Tam An, H. Long Thành, Đồng Nai, Việt Nam
SAM CUONG MATERIAL ELECTRIC AND TELECOM
CORPORATION (SAMETEL)
Long Thanh Industrial Zone, Road No.1, Tam An Ward, Long Thanh District,
Dong Nai Province, Viet Nam
7. Phương pháp thử:
Test method
- TCVN 2097:1993 Sơn - Phương pháp cắt - Xác định độ bám dính của màng
- TCVN 258 - 1: 2007 Vật liệu kim loại - Thử độ cứng Vickers. Phần 1 : Phương pháp thử
- ASTM E 1251 - 07 Standard Test Method for Analysis of Aluminum and Aluminum Alloys by Atomic Emission Spectrometry
8. Kết quả thử nghiệm:
Test results Xem trang 02/02
See page

P.TRƯỞNG PTN CƠ KHÍ
DEPUTY HEAD OF MECHANICAL TESTING LAB.


Phạm Văn Út

TL.GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB.

**Nguyễn Tấn Tùng**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. / *Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.*
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3. / *This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Quatest 3.*
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin. / *Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information.*

N/A: không áp dụng.
Not applicable

Head Office: 49 Pasteur, Q1, Hồ Chí Minh City, VIỆT NAM Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 Website: www.quatest3.com.vn
Testing: 7 Road 1, Biên Hòa 1 Industrial Zone, Đồng Nai Tel: (84-251) 383 6212 Fax: (84-251) 383 6298 E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn



8. Kết quả thử nghiệm :

Test results

Tên chỉ tiêu Specification	Kết quả thử nghiệm Test result
A. THỬ ĐỘ CỨNG/HARDNESS TEST	
8.1. Độ cứng Vickers trung bình HV1 Average of hardness	47,8
B. THỬ LỚP PHỦ/COATING TEST	
8.2. Thử bám dính lớp sơn Adherence test of painting	Điểm/Point 1 : Vết cắt hoàn toàn nhẵn, không có các mảng bong ra/The edges of the cuts are completely smooth : none of the squares of the lattices is detached
C. THÀNH PHẦN HÓA HỌC CHEMICAL COMPOSITION	
8.3. Hàm lượng / Content % (m/m)	
• Silic / Silicon (Si)	0,12
• Sắt / Iron (Fe)	0,48
• Đồng / Copper (Cu)	0,03
• Mangan / Manganese (Mn)	0,03
• Magiê / Magnesium (Mg)	0,01
• Crôm / Chromium (Cr)	< 0,01
• Niken / Nickel (Ni)	0,01
• Kẽm / Zinc (Zn)	0,03
• Titan / Titanium (Ti)	0,02
• Nhôm / Aluminum (Al)	99,3

KT3-00135BCK8/5

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

24/01/2018
Page 01/02

1. Tên mẫu
Name of sample **TRẦN NHÔM U-SHAPED SMT®**
ALUMINUM CEILING U-SHAPED SMT®
2. Số lượng mẫu
Quantity 01
3. Mô tả mẫu :
Sample description Mẫu là tấm trần nhôm, kích thước (200 x 250 x 0,68) mm
The as-received sample is aluminum ceiling
4. Ngày nhận mẫu:
Date of receiving 17/01/2018
5. Ngày thử nghiệm:
Date of testing 19/01/2018
6. Nơi gửi mẫu:
Customer **CÔNG TY CP VẬT LIỆU ĐIỆN VÀ VIỄN THÔNG SAM CƯỜNG**
(SAMETEL)
KCN Long Thành, Đường số 1, Xã Tam An, H. Long Thành, Đồng Nai, Việt Nam
SAM CUONG MATERIAL ELECTRIC AND TELECOM
CORPORATION (SAMETEL)
Long Thanh Industrial Zone, Road No.1, Tam An Ward, Long Thanh District,
Dong Nai Province, Viet Nam
7. Phương pháp thử:
Test method
 - TCVN 2097:1993 Sơn - Phương pháp cắt - Xác định độ bám dính của màng
 - TCVN 258 - 1: 2007 Vật liệu kim loại - Thử độ cứng Vickers. Phần 1 : Phương pháp thử
 - ASTM E 1251 - 07 Standard Test Method for Analysis of Aluminum and Aluminum Alloys by Atomic Emission Spectrometry
8. Kết quả thử nghiệm:
Test results Xem trang 02/02
See page

P.TRƯỞNG PTN CƠ KHÍ
DEPUTY HEAD OF MECHANICAL TESTING LAB.



Phạm Văn Út

TL.GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB.



Nguyễn Tấn Tùng

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến / Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Quatest 3.
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu / Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information.

N/A: không áp dụng.
Not applicable

Head Office: 49 Pasteur, Q1, Hồ Chí Minh City, VIỆT NAM Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 Website: www.quatest3.com.vn
Testing: 7 Road 1, Biên Hòa 1 Industrial Zone, Đồng Nai Tel: (84-251) 383 6212 Fax: (84-251) 383 6298 E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn



8. Kết quả thử nghiệm :

Test results

Tên chỉ tiêu <i>Specification</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
<u>A. THỬ ĐỘ CỨNG/HARDNESS TEST</u>	
8.1. Độ cứng Vickers trung bình HV1 <i>Average of hardness</i>	50,3
<u>B. THỬ LỚP PHỦ/COATING TEST</u>	
8.2. Thử bám dính lớp sơn <i>Adherence test of painting</i>	Điểm/Point 1 : Vết cắt hoàn toàn nhẵn, không có các mảng bong ra/The edges of the cuts are completely smooth : none of the squares of the lattices is detached
<u>C. THÀNH PHẦN HÓA HỌC</u> <u>CHEMICAL COMPOSITION</u>	
8.3. Hàm lượng / Content % (m/m)	
• Silic / Silicon (Si)	0,11
• Sắt / Iron (Fe)	0,49
• Đồng / Copper (Cu)	0,05
• Mangan / Manganese (Mn)	0,12
• Magiê / Magnesium (Mg)	0,01
• Crôm / Chromium (Cr)	< 0,01
• Niken / Nickel (Ni)	0,01
• Kẽm / Zinc (Zn)	0,03
• Titan / Titanium (Ti)	0,02
• Nhôm / Aluminum (Al)	99,1

KT3-00135BCK8/6

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

24/01/2018
Page 01/02

1. Tên mẫu
Name of sample **TRẦN CARO-CELL SMT®**
ALUMINUM CEILING OPEN-CELL SMT®
2. Số lượng mẫu
Quantity 01
3. Mô tả mẫu :
Sample description Mẫu là tấm trần nhôm, kích thước (150 x 200 x 0,5) mm
The as-received sample is aluminum ceiling
4. Ngày nhận mẫu:
Date of receiving 17/01/2018
5. Ngày thử nghiệm:
Date of testing 19/01/2018
6. Nơi gửi mẫu:
Customer **CÔNG TY CP VẬT LIỆU ĐIỆN VÀ VIỄN THÔNG SAM CƯỜNG**
(SAMETEL)
KCN Long Thành, Đường số 1, Xã Tam An, H. Long Thành, Đồng Nai, Việt Nam
SAM CUONG MATERIAL ELECTRIC AND TELECOM
CORPORATION (SAMETEL)
Long Thanh Industrial Zone, Road No.1, Tam An Ward, Long Thanh District,
Dong Nai Province, Viet Nam
7. Phương pháp thử:
Test method
 - TCVN 2097:1993 Sơn - Phương pháp cắt - Xác định độ bám dính của màng
 - TCVN 258 - 1: 2007 Vật liệu kim loại - Thử độ cứng Vickers. Phần 1 : Phương pháp thử
 - ASTM E 1251 - 07 Standard Test Method for Analysis of Aluminum and Aluminum Alloys by Atomic Emission Spectrometry
8. Kết quả thử nghiệm:
Test results Xem trang 02/02
See page

P.TRƯỜNG PTN CƠ KHÍ
DEPUTY HEAD OF MECHANICAL TESTING LAB.



Phạm Văn Út

TL.GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB.



Nguyễn Tấn Tùng

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. / *Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.*
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3. / *This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Quatest 3.*
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin. / *Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information.*

N/A: không áp dụng.
Not applicable

Head Office: 49 Pasteur, Q1, Hồ Chí Minh City, VIỆT NAM Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 Website: www.quatest3.com.vn
Testing: 7 Road 1, Biên Hòa Industrial Zone, Đồng Nai Tel: (84-251) 383 6212 Fax: (84-251) 383 6298 E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn



8. Kết quả thử nghiệm :

Test results

Tên chỉ tiêu Specification	Kết quả thử nghiệm Test result
<u>A. THỬ ĐỘ CỨNG/HARDNESS TEST</u>	
8.1. Độ cứng Vickers trung bình HV1 Average of hardness	50,8
<u>B. THỬ LỚP PHỦ/COATING TEST</u>	
8.2. Thử bám dính lớp sơn Adherence test of painting	Điểm/Point 1 : Vết cắt hoàn toàn nhẵn, không có các mảng bong ra/The edges of the cuts are completely smooth : none of the squares of the lattices is detached
<u>C. THÀNH PHẦN HÓA HỌC</u> <u>CHEMICAL COMPOSITION</u>	
8.3. Hàm lượng / Content % (m/m)	
• Silic / Silicon (Si)	0,14
• Sắt / Iron (Fe)	0,50
• Đồng / Copper (Cu)	0,06
• Mangan / Manganese (Mn)	0,10
• Magiê / Magnesium (Mg)	0,01
• Crôm / Chromium (Cr)	< 0,01
• Niken / Nickel (Ni)	0,01
• Kẽm / Zinc (Zn)	0,03
• Titan / Titanium (Ti)	0,02
• Nhôm / Aluminum (Al)	99,1



QUATEST3®

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Pasteur, Q1, Hồ Chí Minh City, VIỆT NAM
Testing: 7 Road 1, Biên Hòa 1 Industrial Zone, Đồng Nai

Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012
Tel: (84-251) 383 6212 Fax: (84-251) 383 6298

www.quatest3.com.vn
tn-cskh@quatest3.com.vn

KT3-00135BCK8/7

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

24/01/2018
 Page 01/02

- Tên mẫu**
Name of sample

TRẦN NHÔM C84-SHAPED SMT®
ALUMINUM CEILING C84-SHAPED SMT®
- Số lượng mẫu**
Quantity

01
- Mô tả mẫu :**
Sample description

Mẫu là tấm trần nhôm, kích thước (100 x 200 x 0,5) mm
The as-received sample is aluminum ceiling
- Ngày nhận mẫu:**
Date of receiving

17/01/2018
- Ngày thử nghiệm:**
Date of testing

19/01/2018
- Nơi gửi mẫu:**
Customer

CÔNG TY CP VẬT LIỆU ĐIỆN VÀ VIỄN THÔNG SAM CƯỜNG
(SAMETEL)
KCN Long Thành, Đường số 1, Xã Tam An, H. Long Thành, Đồng Nai, Việt Nam
SAM CUONG MATERIAL ELECTRIC AND TELECOM
CORPORATION (SAMETEL)
Long Thanh Industrial Zone, Road No.1, Tam An Ward, Long Thanh District,
Dong Nai Province, Viet Nam
- Phương pháp thử:**
Test method

 - TCVN 2097:1993 Sơn - Phương pháp cắt - Xác định độ bám dính của màng
 - TCVN 258 - 1: 2007 Vật liệu kim loại - Thử độ cứng Vickers. Phần 1 : Phương pháp thử
 - ASTM E 1251 - 07 Standard Test Method for Analysis of Aluminum and Aluminum Alloys by Atomic Emission Spectrometry
- Kết quả thử nghiệm:**
Test results

Xem trang 02/02
See page

P.TRƯỞNG PTN CƠ KHÍ
DEPUTY HEAD OF MECHANICAL TESTING LAB.



Phạm Văn Út

TL.GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB.



Nguyễn Tấn Tùng

8. Kết quả thử nghiệm :
Test results



Tên chỉ tiêu Specification	Kết quả thử nghiệm Test result
<u>A. THỬ ĐỘ CỨNG/HARDNESS TEST</u>	
8.1. Độ cứng Vickers trung bình HV1 Average of hardness	47,8
<u>B. THỬ LỚP PHỦ/COATING TEST</u>	
8.2. Thử bám dính lớp sơn Adherence test of painting	Điểm/Point 1 : Vết cắt hoàn toàn nhẵn, không có các mảng bong ra/The edges of the cuts are completely smooth : none of the squares of the lattices is detached
<u>C. THÀNH PHẦN HÓA HỌC</u> <u>CHEMICAL COMPOSITION</u>	
8.3. Hàm lượng / Content % (m/m)	
• Silic / Silicon (Si)	0,14
• Sắt / Iron (Fe)	0,46
• Đồng / Copper (Cu)	0,05
• Mangan / Manganese (Mn)	0,06
• Magiê / Magnesium (Mg)	0,01
• Crôm / Chromium (Cr)	0,01
• Niken / Nickel (Ni)	0,01
• Kẽm / Zinc (Zn)	0,03
• Titan / Titanium (Ti)	0,02
• Nhôm / Aluminum (Al)	99,2

KT3-00135BCK8/8

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

24/01/2018
Page 01/02

1. Tên mẫu
Name of sample LAM NHÔM CHẮN NẮNG R84-SUN LOUVER SMT®
SUN LOUVER R84 SMT®
2. Số lượng mẫu
Quantity 01
3. Mô tả mẫu:
Sample description Mẫu là tấm lam nhôm, kích thước (100 x 200 x 0,49) mm
The as-received sample is sun louver
4. Ngày nhận mẫu:
Date of receiving 17/01/2018
5. Ngày thử nghiệm:
Date of testing 19/01/2018
6. Nơi gửi mẫu:
Customer CÔNG TY CP VẬT LIỆU ĐIỆN VÀ VIỄN THÔNG SAM CƯỜNG
(SAMETEL)
KCN Long Thành, Đường số 1, Xã Tam An, H. Long Thành, Đồng Nai, Việt Nam
SAM CUONG MATERIAL ELECTRIC AND TELECOM
CORPORATION (SAMETEL)
Long Thanh Industrial Zone, Road No.1, Tam An Ward, Long Thanh District,
Dong Nai Province, Viet Nam
7. Phương pháp thử:
Test method
- TCVN 2097:1993 Sơn - Phương pháp cắt - Xác định độ bám dính của màng
- TCVN 258 - 1: 2007 Vật liệu kim loại - Thử độ cứng Vickers. Phần 1 : Phương pháp thử
- ASTM E 1251 - 07 Standard Test Method for Analysis of Aluminum and Aluminum Alloys by
Atomic Emission Spectrometry
8. Kết quả thử nghiệm:
Test results Xem trang 02/02
See page

P.TRƯỞNG PTN CƠ KHÍ
DEPUTY HEAD OF MECHANICAL TESTING LAB.


Phạm Văn Út

TL.GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB.

**Nguyễn Tấn Tùng**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. / Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Quatest 3.
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information.

N/A: không áp dụng.
Not applicable



8. Kết quả thử nghiệm :

Test results

Tên chỉ tiêu Specification	Kết quả thử nghiệm Test result
<u>A. THỬ ĐỘ CỨNG/HARDNESS TEST</u>	
8.1. Độ cứng Vickers trung bình HV1 Average of hardness	49,8
<u>B. THỬ LỚP PHỦ/COATING TEST</u>	
8.2. Thử bám dính lớp sơn Adherence test of painting	Điểm/Point 1 : Vết cắt hoàn toàn nhẵn, không có các mảng bong ra/The edges of the cuts are completely smooth : none of the squares of the lattices is detached
<u>C. THÀNH PHẦN HÓA HỌC</u> <u>CHEMICAL COMPOSITION</u>	
8.3. Hàm lượng / Content % (m/m)	
• Silic / Silicon (Si)	0,14
• Sắt / Iron (Fe)	0,47
• Đồng / Copper (Cu)	0,06
• Mangan / Manganese (Mn)	0,08
• Magiê / Magnesium (Mg)	0,01
• Crôm / Chromium (Cr)	0,01
• Niken / Nickel (Ni)	0,01
• Kẽm / Zinc (Zn)	0,03
• Titan / Titanium (Ti)	0,03
• Nhôm / Aluminum (Al)	99,1